

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: THIẾT KẾ SÁNG TẠO

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Thiết kế sáng tạo
 - + Tiếng Anh: Creative Design
- Mã số ngành : 7210407
- Trình độ đào tạo: Cử nhân
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
 - + Tên tiếng Việt: Cử nhân ngành Thiết kế sáng tạo
 - + Tên tiếng Anh: Bachelor in Creative Design
- Đơn vị tổ chức đào tạo: Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Tiếp cận trong xây dựng chương trình

Thiết kế là một phạm trù sáng tạo, không bị giới hạn bởi đối tượng, cách thức và công cụ thực hiện. Thiết kế là một nghệ thuật. Nghệ thuật thiết kế để có thể đi vào được cuộc sống không chỉ là nghệ thuật thuần túy, mà ở đó sản phẩm của thiết kế sáng tạo được tạo dựng và phát triển trên cơ sở nắm bắt nhạy bén nhu cầu của thực tiễn. Do đó, người làm về thiết kế sáng tạo cần có tư duy mở về thiết kế theo hướng bền vững, có trách nhiệm xã hội, tính nhân văn và sự nhạy bén về kinh doanh cũng như năng lực ứng dụng công nghệ trong bối cảnh chuyển đổi số. Với quan điểm đó, chương trình đào tạo cử nhân về Thiết kế sáng tạo được xây dựng với cách tiếp cận: Tiếp cận liên ngành Sáng tạo - Công nghệ - Kinh doanh và đồng hành cùng doanh nghiệp trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Mục tiêu chung

Chương trình có mục tiêu cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, năng động, sáng tạo và chuyên nghiệp; có khả năng tác nghiệp trong thực tiễn thiết kế sáng tạo gắn với thấu hiểu khách hàng, quản trị sản phẩm, kỹ thuật công nghệ và tư duy thẩm mỹ; có khả năng thích ứng trong môi trường đa văn hóa và khả năng hội nhập quốc tế.

Mục tiêu cụ thể

Cung cấp nguồn nhân lực làm việc về thiết kế sáng tạo có:

- Tư duy thiết kế tổng hợp và tiếp cận liên ngành trong các chủ đề liên quan đến thiết kế sáng tạo;
- Kiến thức nền tảng về quản trị, marketing, truyền thông, kinh doanh trong việc quản lí và thực hiện các hoạt động thiết kế sáng tạo;
- Khả năng sử dụng hợp lí các nền tảng, công nghệ, phương pháp, công cụ trong quản lí và thực hiện các hoạt động thiết kế sáng tạo;
- Khả năng tham gia tư vấn về thiết kế sáng tạo đáp ứng nhu cầu thị trường, đồng thời đảm bảo sự hài hòa về tính nghệ thuật, thẩm mỹ;
- Khả năng cập nhật và thích ứng linh hoạt với các xu thế sáng tạo của thế giới và của Việt Nam;
- Khả năng kết nối và huy động sự tham gia của các bên liên quan và khả năng phát triển, thực thi các ý tưởng mang tính sáng tạo, khởi nghiệp liên quan đến thiết kế và sáng tạo;
- Đạo đức và trách nhiệm xã hội trong quản lí và điều hành các hoạt động thiết kế sáng tạo.

3. Thông tin tuyển sinh

- Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển theo các phương thức tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN quy định. Cụ thể:

- +) Xét tuyển bằng các tổ hợp H01, H04, H05, H06 đối với phương thức sử dụng kết quả thi Trung học Phổ thông Quốc gia;
- +) Các phương thức khác được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Đối với tất cả các phương thức xét tuyển, thí sinh bắt buộc phải có thêm kết quả của bài thi năng khiếu mỹ thuật đạt ngưỡng yêu cầu. Bài thi năng khiếu mỹ thuật là bài thi do Khoa Các khoa học liên ngành tổ chức.

Việc tổ chức xét tuyển và các điều kiện trúng tuyển được thực hiện theo Đề án tuyển sinh của Khoa Các khoa học liên ngành được Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt hằng năm.

- Đối tượng dự tuyển: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của ĐHQGHN.

- Dự kiến quy mô tuyển sinh: Tuyển sinh theo quy mô được ĐHQGHN giao

hàng năm.

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. Chuẩn đầu ra

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức (K)

K1. Chuẩn đầu ra tổng hợp của các khối kiến thức (chung, lĩnh vực, khối ngành, nhóm ngành)

K1.1. Diễn giải được kiến thức về thế giới quan, nhân sinh quan, hệ thống lịch sử, văn hóa, chính trị, kinh tế, xã hội, pháp luật của Việt Nam;

K1.2. Vận dụng được kiến thức về nghệ thuật, quản lý, khoa học xã hội, công nghệ thông tin trong lĩnh vực thiết kế sáng tạo;

K1.3. Vận dụng được kiến thức nền tảng và nâng cao về kinh doanh, marketing, truyền thông tích hợp vào triển khai các hoạt động thiết kế sáng tạo cho doanh nghiệp, tổ chức;

K1.4. Vận dụng được các nguyên lý về thiết kế, mỹ thuật tạo hình, ngôn ngữ tạo hình, quy trình, phương pháp sáng tác và hoàn thiện sản phẩm thiết kế trong ngành Thiết kế sáng tạo theo hướng bền vững;

K1.5. Vận dụng sáng tạo các kiến thức về quy trình kỹ thuật, công nghệ mới và cách thức vận hành trang thiết bị hiện đại trong thiết kế sáng tạo;

K1.6. Tạo lập được bản sắc thiết kế, phong cách và thương hiệu thiết kế của cá nhân, tổ chức.

K2. CDR kiến thức của chuyên ngành Thời trang và sáng tạo

K2.1. Phân tích được các nguyên lý thiết kế về tạo hình, màu sắc, trang trí, chất liệu, các yếu tố và quy trình liên quan đến nghiên cứu, thiết kế, sản xuất vào việc phát triển sản phẩm thời trang;

K2.2. Thử nghiệm được các kỹ thuật chuyên sâu trong thiết kế thời trang như kỹ thuật thiết kế rập (2D, 3D), kỹ thuật may và lắp ráp sản phẩm, kỹ thuật trang trí bề mặt truyền thống và đương đại, kỹ thuật nhiếp ảnh, công nghệ số và công nghệ thực tế ảo trong phát triển các sản phẩm thời trang;

K2.3. Phát triển được các kiến thức về phong cách và xu hướng thời trang, lịch sử, văn hoá và truyền thống, kiến thức về quản lý và kinh doanh sản phẩm thời trang, hệ thống sản xuất công nghiệp thời trang và tiếp thị và truyền thông để đánh giá thị trường, sáng tạo và xây dựng mô hình chiến lược phát triển sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường trong bối cảnh toàn cầu hoá, giao tiếp đa văn hoá.

K3. CDR kiến thức của chuyên ngành Đồ họa công nghệ số

K3.1. Phân tích được các nguyên lý thiết kế về tạo hình, màu sắc, vật liệu, nguyên tắc thị giác, các yếu tố giao tiếp hình ảnh (âm thanh, ánh sáng, chuyển động) và quy trình thiết kế, sản xuất vào việc phát triển ý tưởng và hoàn thiện sản phẩm thiết kế đồ họa;

K3.2. Thử nghiệm được các kỹ thuật đồ họa truyền thống và thủ công và kỹ thuật công nghệ số cho thiết kế đồ họa như các phần mềm số thiết kế 2D và 3D, kỹ thuật nhiếp ảnh, quay phim, làm phim và biên tập trong phát triển các sản phẩm đồ họa tĩnh và động;

K3.3. Phát triển được các kiến thức về tạo lập phong cách thiết kế và xu hướng thiết kế đồ họa, kiến thức về quản lý và thi công, sản xuất sản phẩm, tiếp thị và truyền thông số để thiết kế các dự án về sản phẩm đồ họa như bộ nhận diện thương hiệu, website tương tác và trải nghiệm, minh họa ấn phẩm, logo, bao bì, poster, sách và xuất bản... đáp ứng xu hướng thị trường.

K4. CDR kiến thức của chuyên ngành Thiết kế nội thất bền vững

K4.1. Phân tích được các nguyên lý cơ bản của thiết kế nội thất và nội thất bền vững về tạo hình, màu sắc, vật liệu, luật phối cảnh, lý thuyết về thiết kế môi trường nội thất bền vững (âm thanh, ánh sáng, chuyển động, nhiệt lượng...) và phương pháp, quy trình thiết kế, thi công, sản xuất vào việc phát triển ý tưởng và hoàn thiện sản phẩm thiết kế nội thất bền vững;

K4.2. Thử nghiệm được các kỹ thuật và công nghệ cho thiết kế nội thất như các phần mềm số thiết kế kỹ thuật số, kỹ thuật thi công và công nghệ vật liệu hiện đại tích hợp trong phát triển các sản phẩm và môi trường nội thất bền vững.

K4.3. Phát triển được các kiến thức về tạo lập phong cách thiết kế, truyền thống và đương đại trong nội thất, kiến thức về quản lý dự án, phát triển và sản xuất sản phẩm để sáng tạo được những sản phẩm và không gian nội thất bền vững có giá trị thẩm mỹ, giá trị văn hóa đáp ứng nhu cầu thực tế của xã hội.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng (S)

S2.1 Kỹ năng chung

S2.1.1. Xây dựng được kế hoạch dự án thiết kế sáng tạo cho một sản phẩm cụ thể; đảm bảo sự thống nhất từ khâu xây dựng ý tưởng, phát triển sáng tạo đến cách thức thể hiện, truyền thông cho sản phẩm;

S2.1.2. Triển khai được việc thu thập, phân tích, đánh giá thông tin đa chiều và ra quyết định trong việc thiết kế sáng tạo sản phẩm;

S2.1.3. Quản lý được rủi ro trong thiết kế và kinh doanh các sản phẩm thiết kế;

S2.1.4. Dự đoán được các xu hướng thiết kế thông qua nhận diện nhu cầu của khách hàng và xã hội;

S2.1.5. Hình thành được các giải pháp trong việc sản xuất các sản phẩm thiết kế sáng tạo;

S2.1.6. Sử dụng thành thạo các kỹ năng giao tiếp liên văn hoá, làm việc nhóm, làm việc độc lập, thuyết trình, đàm phán;

S2.1.7. Kết hợp được các kiến thức liên ngành để phản biện, đánh giá và đề xuất các giải pháp một cách toàn diện, hiệu quả.

S2.1.8 . Phối hợp được năng lực sáng tạo, tư duy thiết kế, tư duy phản biện trong việc phát triển các ý tưởng và triển khai các dự án khởi nghiệp, dự án kinh doanh.

S2.1.9. Nhận diện được bối cảnh cũng như các yếu tố nội tại và ngoại cảnh của tổ chức theo chiều hướng luôn vận động để thích nghi với sự thay đổi trong công việc liên quan đến thiết kế và sáng tạo trong môi trường đa văn hóa và thực tiễn nghề nghiệp, có khả năng học tập suốt đời.

S2.1.10. Đúc rút bài học từ kinh nghiệm, trải nghiệm trong học tập và thực hành, thực tập.

S2.1.11. Sử dụng ngoại ngữ trong học tập, giao tiếp ở mức tối thiểu bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

S2.2 Kỹ năng chuyên ngành Thiết kế thời trang và sáng tạo

S2.2.1. Thành thạo kỹ năng vẽ tay và sử dụng các phần mềm, công cụ thiết kế 2D, 3D để thể hiện, trình bày ý tưởng, mẫu thiết kế và thực hiện mẫu sản phẩm;

S2.2.2. Dự báo được xu thế phát triển của thiết kế thời trang sáng tạo trong bối cảnh đương đại;

S2.2.3. Kết hợp được các phương pháp nghiên cứu thiết kế, các công nghệ mới trong ngành thời trang;

S2.2.4. Sử dụng được các kết quả mẫu thử nghiệm thiết kế đưa vào sản xuất công nghiệp;

S2.2.5. Phát triển được các dự án thiết kế thời trang, riêng lẻ hoặc phối hợp với các đối tác trong ngành và trong cộng đồng để tiếp thị và xây dựng thương hiệu;

S2.3. Kỹ năng chuyên ngành Đồ họa công nghệ số

S2.3.1. Thành thạo kỹ năng vẽ tay và sử dụng các phần mềm, công cụ số thiết kế 2D, 3D để thể hiện, trình bày ý tưởng, mẫu thiết kế và thực hiện mẫu sản phẩm đồ họa tĩnh và động;

S2.3.2. Kết hợp được các kỹ thuật, công nghệ số mới trong thiết kế chuyển động và tương tác, sáng tạo các hiệu ứng hình ảnh mới;

S2.3.3. Sử dụng được các vật liệu mới trong sáng tạo các sản phẩm đồ họa 2-D, 3-D;

S2.3.4. Sử dụng được các kết quả mẫu thử nghiệm thiết kế đưa vào sản xuất công nghiệp với các sản phẩm đồ họa tĩnh;

S2.3.5. Phát triển được các dự án đồ họa số riêng lẻ hoặc phối hợp với các đối tác trong ngành và trong cộng đồng để tiếp thị và xây dựng thương hiệu tư vấn và phát triển về nhận diện thương hiệu qua giao tiếp hình ảnh phục vụ nhu cầu thị trường thực tế;

S2.4. Kỹ năng chuyên ngành Thiết kế nội thất bền vững

S2.4.1. Thành thạo kỹ năng vẽ tay và sử dụng các phần mềm thiết kế 2D, 3D công nghệ số trong việc thể hiện và trình bày ý tưởng;

S2.4.2. Kết hợp được các nguyên lý thiết kế, phương pháp thiết kế, quy trình thiết kế một sản phẩm nội thất;

S2.4.3. Phối hợp được các kỹ thuật thi công, vật liệu mới và công nghệ số trong quản lý và thiết kế nội thất;

S2.4.4. Kiểm soát được chất lượng các sản phẩm thiết kế, thi công công trình nội, ngoại thất theo các tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam;

S2.4.5. Có khả năng tư vấn, thiết kế nội thất các công trình kiến trúc vừa và nhỏ, đồng thời phát triển được các dự án riêng lẻ hoặc phối hợp với các đối tác trong ngành và trong cộng đồng để xây dựng thương hiệu nội thất bền vững.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm (M&R)

3.1. Phẩm chất đạo đức (M)

3.1.1 Phẩm chất đạo đức cá nhân (M1)

M1.1. Trung thành với Tổ quốc, với tổ chức, cơ quan, tôn trọng pháp luật, có phẩm chất chính trị, đạo đức và ý thức cộng đồng tốt. Có ý thức xây dựng đất nước, hành động vì lợi ích chung;

M1.2. Có lối sống chuẩn mực, lành mạnh, khiêm tốn, chăm chỉ, kiên định và có tinh thần ham học hỏi.

3.1.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp (M2)

M2.1. Chủ động học hỏi, tự nghiên cứu và nâng cao năng lực chuyên môn để có thể thích ứng kịp thời với sự thay đổi của xã hội. Chia sẻ kiến thức và học tập suốt đời;

M2.2. Có ý thức sáng tạo và đổi mới trong công tác chuyên môn của mình nói riêng và các vấn đề xã hội nói chung;

M2.3. Nhận thức đúng đắn vai trò của nhà thiết kế trong việc tạo ra những sản phẩm có giá trị, góp phần định hướng nhận thức thẩm mỹ cho xã hội;

M2.4. Tuân thủ các nguyên tắc về an toàn nghề nghiệp trong môi trường làm việc.

3.1.3. Phẩm chất đạo đức xã hội (M3)

M3. Có ý thức phát triển các ứng dụng của khoa học và công nghệ máy tính vì sự phát triển bền vững.

3.2. Năng lực tự chủ và trách nhiệm (R)

R1. Có năng lực hoàn thành công việc độc lập, cùng nhóm hoặc lãnh đạo nhóm hoàn thành công việc;

R2. Có tinh thần chịu trách nhiệm cao với các công việc của cá nhân và của nhóm mình tham gia hoặc lãnh đạo;

R3. Có khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc liên quan đến nghề nghiệp;

R4. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân;

R5. Lập được kế hoạch, điều phối và quản lý được các nguồn lực; đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

4. Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp từ chương trình cử nhân Thiết kế sáng tạo có thể làm việc ở cả khối nhà nước, khối tư nhân và khối phi chính phủ, cụ thể tại một số cơ quan, đơn vị, tổ chức của Nhà nước và tư nhân hoạt động trong lĩnh vực Thiết kế và phát triển sản phẩm. *Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp gồm:*

- **Nhân viên thiết kế:** Làm việc bộ phận thiết kế của tổ chức, doanh nghiệp theo từng hướng chuyên môn như thiết kế nội thất, thiết kế thời trang, thiết kế truyền thông đa phương tiện, thiết kế đồ họa.

- **Chuyên viên sáng tạo:** Là nhân viên của bộ phận sáng tạo, chịu trách nhiệm xây dựng ý tưởng sáng tạo cho sản phẩm, thương hiệu, chiến dịch truyền thông...

- **Giám sát và Quản lý thiết kế:** Chịu trách nhiệm quản lý và xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ của đơn vị mình quản lý, phân công công việc và chủ trì kiểm soát, quản lý thiết kế do tư vấn bên ngoài thực hiện, trực tiếp làm việc với các công ty tư vấn thiết kế trong và ngoài nước, chủ trì quản lý thiết kế, triển khai dự án theo phân công, quản lý và giao nhiệm vụ cho nhân viên thuộc đơn vị phụ trách.

- **Giám đốc Sáng tạo:** Chịu trách nhiệm xây dựng hình ảnh thương hiệu của doanh nghiệp, thực hiện các công việc liên quan đến hình ảnh, thông điệp của các nhãn hàng hay công ty thông qua các kênh truyền thông. Đây là chức vụ quan trọng tại các công ty hoạt động trong lĩnh vực thiết kế, giải trí, thời trang, truyền thông, quảng cáo... Là người lãnh đạo xây dựng các ý tưởng thiết kế, sáng tạo các chiến dịch truyền thông, hướng dẫn cấp dưới thực hiện các công việc theo kế hoạch.

- **Giám đốc Thiết kế:** Tổ chức quản lý, điều hành và kiểm soát toàn bộ các hoạt động của đơn vị thiết kế; quản lý thiết kế theo trình tự thực hiện dự án và theo phạm vi công việc chuyên môn; quản lý thủ tục pháp lý dự án liên quan đến quy hoạch, thiết kế quy hoạch, thiết kế cơ sở, hồ sơ phê duyệt dự án đầu tư; quản lý nhà thầu cung cấp các dịch vụ và chi phí liên quan đến thiết kế; quản lý việc lập hoặc kiểm tra khái toán, dự toán về khối lượng phục vụ cho công tác xác định chi phí cung cấp dịch vụ liên quan đến thiết kế và gia công sản phẩm.

- **Giảng dạy và Nghiên cứu:** Giảng dạy về lĩnh vực Thiết kế trong các cơ sở đào tạo; Nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực về chuyên ngành Thiết kế và Mỹ thuật ứng dụng ở các Viện nghiên cứu, các trung tâm và cơ quan nghiên cứu của các Bộ, ngành, các trường Đại học và Cao đẳng trong và ngoài nước.

- **Kinh doanh và Khởi nghiệp:** Phát triển ý tưởng và tạo dựng doanh nghiệp kinh doanh và khởi nghiệp, cung cấp dịch vụ thiết kế và sáng tạo.

- **Các vị trí liên quan:** Làm các công việc kỹ thuật, quản lý chất lượng, tại các sở sản xuất sản phẩm thiết kế đa phương tiện hoặc đồ họa; Làm việc ở các cơ quan quản lý có liên quan đến ngành mỹ thuật công nghiệp và văn hoá nói chung.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Cử nhân Thiết kế sáng tạo có thể học lên cao học các ngành liên quan đến Mỹ thuật ứng dụng, kiến trúc và các chuyên ngành phù hợp khác trong danh mục thống kê ngành đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo (*chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng–an ninh, Kỹ năng bổ trợ*): **132 tín chỉ**

- Khối kiến thức chung (*chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng-an ninh, Kỹ năng bổ trợ*): 21 tín chỉ
- Khối kiến thức theo lĩnh vực: 14 tín chỉ
 - + Bắt buộc: 11 tín chỉ
 - + Tự chọn: 3 tín chỉ/6 tín chỉ
- Khối kiến thức theo khối ngành: 15 tín chỉ
 - + Bắt buộc: 10 tín chỉ
 - + Tự chọn: 5 tín chỉ/20 tín chỉ
- Khối kiến thức theo nhóm ngành: 18 tín chỉ
 - + Bắt buộc: 14 tín chỉ
 - + Tự chọn: 4 tín chỉ/12 tín chỉ
- Khối kiến thức ngành và bổ trợ: 64 tín chỉ
 - + *Chuyên ngành Thời trang và sáng tạo: 49 tín chỉ*
 - Bắt buộc: 34 tín chỉ
 - Tự chọn: 15/39 tín chỉ
 - Tự chọn thiết kế chuyên nghiệp: 9/23
 - Bổ trợ tự chọn: 6/15
 - + *Chuyên ngành Đồ họa công nghệ số: 49 tín chỉ*
 - Bắt buộc: 34 tín chỉ
 - Tự chọn: 15/30 tín chỉ
 - + *Chuyên ngành Thiết kế nội thất bền vững: 49 tín chỉ*
 - Bắt buộc: 34 tín chỉ
 - Tự chọn: 15/36 tín chỉ
 - + *Thực tập nghề nghiệp: 9 tín chỉ*
 - + *Đồ án tốt nghiệp: 6 tín chỉ*

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ			Học phần Tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung (<i>chưa tính số tín chỉ Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng–an ninh, Kỹ năng bổ trợ</i>)		21				
1.	PHI1006	Triết học Mác – Lênin <i>Marxist-Leninist Philosophy</i>	3	30	15	0	
2.	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác – Lênin <i>Marx-Lenin Political Economy</i>	2	20	10	0	PHI 1006
3.	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2	30	0	0	
4.	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of the Communist Party of Vietnam</i>	2	20	10	0	
5.	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh's Ideology</i>	2	20	10	0	
6.		Ngoại ngữ B1 <i>Foreign Language B1</i> (<i>một trong các ngoại ngữ sau</i>)	5	20	35	20	
	FLF1107	Tiếng Anh B1 <i>English B1</i>					
	FLF1307	Tiếng Pháp B1 <i>French B1</i>					
	FLF1407	Tiếng Trung B1 <i>Chinese B1</i>					
	FLF1507	Tiếng Đức B1 <i>German B1</i>					
	FLF1607	Tiếng Nhật B1 <i>Japanese B1</i>					
	FLF1707	Tiếng Hàn B1 <i>Korean B1</i>					
7.		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4				
8.		Giáo dục quốc phòng - an ninh <i>National Defense Education</i>	8				
9.	INT1004	Tin học cơ sở <i>General Informatics</i>	3	27	15	3	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ			Học phần Tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
10.	THL1057	Nhà nước và Pháp luật đại cương <i>General Theory of State and Law</i>	2	20	5	5	
	Kỹ năng bổ trợ		4/10				
11	SIS3005	Tư duy sáng tạo và phản biện <i>Creative and Critical Thinking</i>	2	15	15	0	
12	SIS3121	Kỹ năng dẫn chương trình và nghệ thuật nói trước đám đông <i>MC Skills and the Art of Speech</i>	2	15	15	0	
13	SIS3122	Năng lực lãnh đạo và giao tiếp liên văn hóa <i>Leadership and Intercultural Communication</i>	2	10	20	0	
14	SIS3077	Nghiệp vụ gây quỹ tài trợ <i>Fundraising Business</i>	2	15	15	0	
15	SIS3074	Kỹ thuật quay phim và chụp ảnh cơ bản <i>Fundamental Skills for Filming and Photography</i>	2	10	20	0	
II	Khối kiến thức chung theo lĩnh vực		14				
II.1	Học phần bắt buộc		11				
16	SIS1041	Lịch sử nghệ thuật <i>History of Arts</i>	5	30	45	0	
17	SIS1042	Mỹ học, cảm xúc và sáng tạo <i>Aesthetic, Emotion and Creativity</i>	3	40	5	0	
18	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam <i>Fundamentals of Vietnamese Culture</i>	3	42	3	0	
II.2	Học phần tự chọn		3/6				
19	SIS1043	Công nghiệp văn hóa <i>Cultural Industries</i>	3	30	15	0	
20	SIS1044	Không gian sáng tạo <i>Creative Space and Places</i>	3	20	25	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ			Học phần Tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
III	Khối kiến thức theo khối ngành		15				
III.1	Học phần bắt buộc		10				
21	SIS2081	Thiên nhiên trong thiết kế <i>Insights into Nature</i>	2	10	20	0	
22	SIS2082	Nguyên lý thiết kế (Thời trang, đồ họa, nội thất) <i>Fundamentals of Design (Fashion, Graphic, Interior)</i>	2	10	20	0	
23	SIS2083	Tư duy thiết kế sáng tạo <i>Creative Design Thinking</i>	3	15	30	0	
24	SIS2084	Xây dựng và quản trị thương hiệu (Thời trang, đồ họa, nội thất) <i>Branding Management (Fashion, Graphic, Interior)</i>	3	30	15	0	
III.2	Học phần tự chọn		5/20				
25	SIS2085	Giao tiếp thị giác <i>Visual Communication</i>	2	15	15	0	
26	SIS3011	Nghiên cứu thấu hiểu khách hàng <i>Customer Insight Research</i>	3	20	25	0	
27	SIS2086	Xây dựng và Thao tác ảnh <i>Constructing and Manipulating Images</i>	2	15	15	0	
28	SIS2031	Các loại hình nghệ thuật ở Việt Nam <i>Arts in Vietnam</i>	2	25	5	0	
29	SIS2087	Kể chuyện trong thiết kế sáng tạo <i>Storytelling in Creative Design</i>	3	40	5	0	
30	SIS2088	Nhân trắc học trong thiết kế <i>Anthropometry in Design</i>	2	15	15	0	
31	SIS2004	Khởi sự kinh doanh <i>Start-up</i>	3	20	25	0	
32	SIS3003	Truyền thông marketing tích hợp <i>Integrated Marketing Communication</i>	3	25	20	0	
IV	Khối kiến thức theo nhóm ngành		18				
IV.1	Học phần bắt buộc		14				

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ			Học phần Tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
33	SIS3181	Hình họa cơ bản <i>Basic Drawing</i>	5	15	60	0	
34	SIS3182	Cơ sở tạo hình <i>Fundamentals of Figure Design</i>	3	15	30	0	
35	SIS3183	Lịch sử và các trào lưu phong cách (Thời trang, đồ họa, nội thất) <i>History and Style (Fashion, Graphic, Interior)</i>	3	30	15	0	
36	SIS3184	Bản sắc văn hoá và thiết kế (Thời trang, đồ họa, nội thất) <i>Cultural Identity and Design (Fashion, Graphic, Interior)</i>	3	10	35	0	
IV.2	Học phần tự chọn		4/12				
37	SIS3185	Thiết kế bền vững <i>Sustainable Design</i>	2	25	5	0	
38	SIS3186	Nguyên lý xa gần <i>Perspectives</i>	2	10	20	0	
39	SIS3187	Vẽ và Thiết kế mô hình <i>Drawing and Modelling</i>	2	10	20	0	
40	SIS3188	Vẽ ký họa <i>Outline Drawing</i>	2	5	25	0	
41	SIS3189	Nhập môn điêu khắc <i>Introduction to Sculpture</i>	2	5	25	0	
42	SIS2009	Quản lý dự án <i>Project Management</i>	2	20	10	0	
V	Khối kiến thức ngành và bổ trợ		64				
V.1	Chuyên ngành Thời trang và sáng tạo		49				
V.1.1	Học phần bắt buộc		34				
43	SIS3190	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm thời trang <i>Research and Development of Fashion Products</i>	2	20	10	0	
44	SIS3191	Dự báo xu hướng thời trang <i>Fashion Trend Forecasting</i>	2	20	10	0	
45	SIS3192	Kỹ thuật may 1 <i>Sewing Techniques 1</i>	3	10	35	0	
46	SIS3193	Kỹ thuật may 2 <i>Sewing Techniques 2</i>	2	10	20	0	SIS 3192
47	SIS3194	Thiết kế rập cơ bản <i>Basic Pattern Making</i>	3	15	30	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ			Học phần Tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
48	SIS3195	Thiết kế rập nâng cao <i>Advance Pattern Making</i>	3	15	30	0	SIS 3194
49	SIS3196	Thiết kế rập kỹ thuật số <i>Digital Pattern Making</i>	2	10	20	0	SIS 3194
50	SIS3197	Kỹ thuật Draping 1 <i>Draping Techniques 1</i>	2	5	25	0	SIS 3192
51	SIS3198	Kỹ thuật Draping 2 <i>Draping Techniques 2</i>	3	5	40	0	SIS 3199
52	SIS3199	Minh hoạ thời trang <i>Fashion Illustration</i>	2	10	20	0	
53	SIS3200	Minh hoạ thời trang kỹ thuật số <i>Digital Fashion Illustration</i>	2	10	20	0	
54	SIS3201	Thiết kế và sáng tạo bề mặt vải <i>Textiles & Surface Design</i>	3	5	40	0	
55	SIS3202	Phát triển phong cách thời trang cá nhân <i>Personal Style Development</i>	2	5	25	0	
56	SIS3203	Thiết kế và sáng tạo bộ sưu tập thời trang <i>Designing & Creating a Fashion collection</i>	3	5	40	0	
V.1.2	Học phần tự chọn		9/23				
57	SIS3204	Thời trang Nam <i>Menswear</i>	3	10	35	0	SIS 2082
58	SIS3205	Trang phục trẻ em <i>Childwear</i>	2	5	25	0	SIS 2082
59	SIS3206	Thiết kế trang phục dạo phố <i>Streetwear Design</i>	2	5	25	0	SIS 2082
60	SIS3207	Thiết kế đồng phục <i>Uniform Design</i>	2	5	25	0	SIS 2082
61	SIS3208	Thiết kế trang phục cưới và dạ hội <i>Bridal wear and Evening Dresses Design</i>	3	5	40	0	SIS 2082
62	SIS3209	Thiết kế trang phục phim, truyền hình và sân khấu <i>Film, TV & Theatre Costume Design</i>	2	5	25	0	SIS 2082

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ			Học phần Tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
63	SIS3210	Thiết kế dòng sản phẩm (sản phẩm nội y, mặc nhà, thể thao) <i>Fashion Product Lines (Lingerie, Homewear, Activewear)</i>	3	5	40	0	SIS 2082
64	SIS3211	Thiết kế thời trang theo dòng chất liệu vải cơ bản (dệt kim, bò, da) <i>Fashion Design from Basic materials (Knit, Denim, Leather)</i>	3	5	40	0	SIS 2082
65	SIS3212	Thiết kế phụ kiện thời trang <i>Fashion Accessory Design</i>	3	10	35	0	SIS 2082
V.1.3	Học phần tự chọn bổ trợ		6/15				
66	SIS3213	Thiết kế thời trang bền vững <i>Sustainable Fashion Design</i>	3	10	35	0	SIS 2082
67	SIS3214	Quần áo thông minh và công nghệ đeo <i>Smart Clothing & Wearable Technology</i>	3	10	35	0	
68	SIS3215	Thời trang kỹ thuật số thực tế <i>Digital Fashion Reality</i>	2	10	20	0	
69	SIS3216	Quản lý và kinh doanh thời trang <i>Fashion Merchandising</i>	2	20	10	0	
70	SIS3217	Tiếp thị thời trang và truyền thông <i>Fashion Marketing & Communication</i>	3	25	20	0	
71	SIS3218	Tiếng Anh chuyên ngành thời trang <i>English for Fashion Industry</i>	2	20	10	0	
V.2	Chuyên ngành Đồ họa công nghệ số		49				
V.2.1	Học phần bắt buộc		34				
72	SIS3219	Tư duy sáng tạo thiết kế Đồ họa <i>Graphic Design Thinking</i>	2	20	10	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ			Học phần Tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
73	SIS3220	Công cụ thiết kế đồ họa 2D <i>2D Graphic Design Tools</i>	3	15	30	0	
74	SIS3221	Công cụ thiết kế đồ họa 3D <i>3D Graphic Design Tools</i>	3	15	30	0	
75	SIS3222	Vẽ phác thảo <i>Sketching</i>	3	15	30	0	
76	SIS3223	Nghệ thuật chữ <i>Typography</i>	3	15	30	0	
77	SIS3224	Thiết kế Logo/Biểu tượng <i>Logo/Symbol Design</i>	2	10	20	0	
78	SIS3225	Thiết kế poster <i>Poster Design</i>	2	10	20	0	
79	SIS3226	Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu <i>Brand Identity Design</i>	3	15	30	0	
80	SIS3227	Thiết kế bao bì <i>Packaging Design</i>	3	15	30	0	
81	SIS3228	Thiết kế tương tác và trải nghiệm UI/UX <i>UI/UX Design</i>	3	15	30	0	
82	SIS3229	Thiết kế đồ họa động <i>Motion Graphic Design</i>	3	15	30	0	
83	SIS3229	Học theo dự án <i>Project-Based Learning</i>	4	15	45	0	
V.2.2	Học phần tự chọn		15/30				
84	SIS3230	Thiết kế xuất bản và truyền thông <i>Publication and Communication Design</i>	2	10	20	0	
85	SIS3231	Phát triển phong cách thiết kế đồ họa <i>Design Styles Development</i>	3	15	30	0	SIS 3183
86	SIS3232	Công cụ thiết kế đồ họa động <i>Motion Graphic Design Tools</i>	2	15	15	0	
87	SIS3233	Màu sắc trong đồ họa công nghệ số <i>Color in Digital Graphics</i>	3	10	35	0	
88	SIS3234	Thiết kế website và tương tác <i>Website and interaction design</i>	3	10	35	0	SIS 2082

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ			Học phần Tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
89	SIS3235	Thiết kế game <i>Game Design</i>	3	15	30	0	SIS 2082
90	SIS3236	Thiết kế đồ họa và sản xuất phim/ video kỹ thuật số <i>Graphic digital film/video design and production</i>	3	10	35	0	SIS 2082
91	SIS3237	Thiết kế quảng cáo không gian <i>Out-of-home Advertising Design</i>	3	10	35	0	SIS 2082
92	SIS3238	Thiết kế minh họa <i>Illustrative Design</i>	3	10	35	0	SIS 2082
93	SIS3239	Thiết kế đồ họa trang trí sự kiện <i>Event Graphic Design</i>	2	5	25	0	SIS 2082
94	SIS3240	Workshop thiết kế tự chọn <i>Customized design workshop</i>	3	10	35	0	SIS 2082
V.3	Chuyên ngành Thiết kế nội thất bền vững		49				
V3.1	Học phần bắt buộc		34				
95	SIS3241	Vẽ phối cảnh <i>Perspective Drawing</i>	2	10	20	0	
96	SIS3242	Phương pháp thiết kế nội thất <i>Interior Design Methods</i>	3	15	30	0	
97	SIS3243	Nguyên tắc chiếu sáng bền vững cho nội thất <i>Principles of Sustainable Lighting for Interiors</i>	2	10	20	0	
98	SIS3244	Thiết kế đồ đạc và Trang thiết bị nội thất bền vững <i>Sustainable Furniture and Interior Equipment Design</i>	3	15	30	0	SIS 2082
99	SIS3245	Cấu tạo, công nghệ và vật liệu nội thất <i>Structure, technology and materials for Interiors</i>	3	15	30	0	SIS 2082

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ			Học phần Tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
100	SIS3246	Kỹ thuật thi công và triển khai bản vẽ nội thất <i>Construction and interior drawings implementation techniques</i>	3	15	30	0	
101	SIS3247	Thiết kế không gian nội thất nhà ở và các loại hình lưu trú <i>Residential Interior Design</i>	3	15	30	0	
102	SIS3248	Thiết kế không gian nội thất công trình thương mại và dịch vụ <i>Commercial Interior Design</i>	3	15	30	0	
103	SIS3249	Thiết kế nội thất văn phòng làm việc <i>Office Interior Design</i>	3	15	30	0	
104	SIS3250	Thiết kế nội thất công trình văn hóa <i>Interior Design of Cultural Works</i>	3	15	30	0	SIS 3242
105	SIS3251	Vẽ thiết kế 2D <i>2D Drawing</i>	2	5	25	0	
106	SIS3252	Vẽ thiết kế 3D <i>3D Drawing</i>	2	5	25	0	
107	SIS3253	Minh họa nội thất <i>Interior Illustration</i>	2	5	25	0	
V.3.2	Học phần tự chọn		15/36				
108	SIS3255	Phát triển phong cách thiết kế nội thất <i>Interior Design Styles Development</i>	3	15	30	0	
109	SIS3256	Phương pháp quản lý và triển khai dự án thiết kế nội thất <i>Methods of managing and implementing design projects</i>	3	10	35	0	
110	SIS3257	Trang trí nội thất <i>Interior Decoration Design</i>	3	15	30	0	
111	SIS3258	Dự báo Xu hướng nội thất <i>Interior Trend Forecasting</i>	3	15	30	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ			Học phần Tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
112	SIS3259	Workshop Thiết kế nội thất thông minh <i>Smart Interior Design Workshop</i>	3	15	30	0	
113	SIS3260	Thiết kế ngoại thất <i>Interior Landscape Design</i>	3	15	30	0	SIS 2082
114	SIS3261	Thiết kế thuật toán <i>Computational Design</i>	3	15	30	0	
115	SIS3262	Thiết kế nội thất công trình giáo dục – y tế <i>Interior design of educational and medical works</i>	3	15	30	0	SIS 3242
116	SIS3263	Thiết kế Nội thất các công trình bảo tồn và cải tạo <i>Interior design of conservation and renovation works</i>	3	15	30	0	SIS 3242
117	SIS3264	Thiết kế không gian tổ chức sự kiện <i>Exhibition and Event-organizing space Design</i>	3	15	30	0	SIS 3242
118	SIS3265	Chứng chỉ hệ thống công trình xanh <i>Green Building Certificate Systems</i>	3	30	15	0	
119	SIS3266	Công nghệ thực tế ảo trong thiết kế nội thất <i>Virtual Reality Technology in Interior Design</i>	3	15	30	0	
V.4	Thực tập nghề nghiệp		9				
120	SIS4025	Thực tập nghề nghiệp 1 <i>Internship 1</i>	3	10	35	0	
121	SIS4026	Thực tập nghề nghiệp 2 <i>Internship 2</i>	3	10	35	0	
122	SIS4027	Thực tập nghề nghiệp 3 <i>Internship 3</i>	3	10	35	0	
V.5	Tốt nghiệp		6				
123	SIS4058	Đồ án tốt nghiệp <i>Capstone Project</i>	6	10	80	0	